TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **275**/2018/HNGĐ_ST
Ngày: 27/8/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Phi X**, sinh năm 1978
2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Minh Y**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 18/4U, Kp.01, P.Tam Hòa, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Bà X xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Vũ Thị Phụng trình bày: Năm 1996, bà cùng ông Lâm Minh Y tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Hiệp, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 21/10/1996, UBND xã phường Tam Hiệp đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108, quyển số 01 cho vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, từ khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hòa hợp, không thể chung sống cùng nhau. Hiện nay, bà và ông Y không còn tình cảm gì và không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Có 02 con chung là Lâm Kim Tiên, sinh ngày 08/9/1997 và Lâm Trí Tài, sinh ngày 23/6/2004. Khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tài, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tiên đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Lâm Minh Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của ông Y về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến cháu Lâm Trí Tài, cháu Tài có nguyện vọng được bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Vũ Phi X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Minh Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án

- Theo xác nhận của công an phường Tam Hòa ngày 09/6/2018, ông Y có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà X và ông Y tự nguyện kết hôn và đã được UBND phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108, quyển số 01 ngày 21/10/1996, căn cứ các điều 5,6,7,8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo kết quả xác minh ngày 08/2/2018, địa phương nơi bà X và ông Y sinh sống xác định vợ chồng bà X ông Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Bà X xác định vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh từ việc hai người không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà không còn tình cảm gì với ông Y và cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Y.Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Y không đến Tòa án làm việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy ông Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà X và ông Y Có 02 con chung là Lâm Kim Tiên, sinh ngày 08/9/1997 và Lâm Trí Tài, sinh ngày 23/6/2004. Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tài, là phù hợp nguyện vọng của cháu Tài nên chấp nhận. Bà X không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con nên ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con. cháu Tiên đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Tuy nhiên, do ông Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu

- Về án phí: Bà Vũ Phi X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 5,6,7,8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Phi X đối với bị đơn ông Lâm Minh Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Vũ Phi X, sinh năm 1978 được ly hôn với ông Lâm Minh Y, sinh năm 1972

Về con chung: Giao con chung là Lâm Trí Tài, sinh ngày 23/6/2004cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Vũ Phi X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 003867 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND P.Tam Hiệp
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.